

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 353/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.	Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Căn cứ Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.	Bổ sung Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ làm căn cứ pháp lý cho các nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến phân cấp và thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định.
Điều 5. Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là cá nhân đang hoạt	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP 1. Sửa đổi, bổ sung câu dẫn Điều 5 như sau: “Điều 5. Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao	Việc sửa đổi nhằm thống nhất khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số” trong Nghị định với Luật Công nghiệp công nghệ số; Nghị định chỉ quy

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
động trong lĩnh vực công nghệ số, thuộc một trong các đối tượng sau: 1. Nhân sự đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số đáp ứng quy định tại Điều 6 Nghị định này. 2. Người tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng quy định tại Điều 7 Nghị định này. 3. Người làm việc, giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu đáp ứng quy định tại Điều 8 Nghị định này. 4. Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan nhà nước đáp ứng quy định tại Điều 9 Nghị định này. 5. Cá nhân có đóng góp nổi bật trong lĩnh vực công nghệ số đáp ứng quy định tại Điều 10 Nghị định này. Điều 6. Tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là nhân sự đang làm việc tại doanh nghiệp công nghệ số 2. Là nhân sự tham gia trực tiếp vào hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: a) Là người Việt Nam có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công	Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là nhân lực công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số, thuộc một trong các đối tượng sau đây:”. 2. Sửa đổi, bổ sung câu dẫn khoản 2 Điều 6 như sau: “2. Là nhân lực công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp, thuộc một trong các trường hợp sau:”.	định các nhóm và tiêu chí để xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, không đặt ra một khái niệm riêng hoặc tiêu chí khác với khái niệm đã được Luật xác định. Việc sửa đổi không làm thay đổi các tiêu chí cụ thể tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 6, bao gồm các tiêu chí về thu nhập đối với người Việt Nam và người nước ngoài, bảo đảm mối quan hệ thống nhất giữa Luật và Nghị định.

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 05 lần GDP bình quân đầu người của Việt Nam theo công bố của Việt Nam; b) Là người nước ngoài, đang làm việc tại quốc gia phát triển theo công bố của Liên hợp quốc (United Nations) hoặc Ngân hàng Thế giới (World Bank), có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 03 lần GDP bình quân đầu người tại quốc gia mà người đó làm việc theo công bố của quốc gia đó; c) Là người nước ngoài, không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này, có thu nhập bình quân từ hoạt động công nghiệp công nghệ số trong 02 năm gần nhất đạt tối thiểu 05 lần GDP bình quân đầu người tại quốc gia mà người đó làm việc theo công bố của quốc gia đó.		
	Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP về thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số	Nhóm sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo hướng bổ sung phương thức tổ chức thử nghiệm theo khu vực, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương, đơn giản hóa hồ sơ, quy trình

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
		đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, đồng thời làm rõ không gian thử nghiệm, cơ chế pháp lý và trách nhiệm quản lý, giám sát.
Chưa có Điều 15a	1. Bổ sung Điều 15a như sau: “Điều 15a. Khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 1. Khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát là khu vực có ranh giới địa lý hoặc giới hạn kỹ thuật, bao gồm khu vực địa lý, tuyến, hành lang, không gian số hoặc phạm vi vận hành cụ thể, thuộc địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định để tổ chức hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. 2. Tổ chức, doanh nghiệp chỉ được triển khai thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này.”.	Bổ sung khái niệm khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát để tạo cơ sở pháp lý cho địa phương xác định trước một phạm vi thử nghiệm theo ranh giới địa lý hoặc giới hạn kỹ thuật, bao gồm cả không gian số. Khu vực thử nghiệm không phải là một loại khu chức năng mới và việc xác định khu vực không làm phát sinh quyền tự động thử nghiệm; từng tổ chức, doanh nghiệp vẫn phải được cấp phép trước khi triển khai hoạt động thử nghiệm.
Chưa có Điều 15b	2. Bổ sung Điều 15b như sau: “Điều 15b. Phạm vi hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 1. Trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, tổ chức, doanh nghiệp sau khi được cấp phép thử nghiệm được thực hiện các hoạt động phục vụ thử nghiệm có kiểm soát, bao gồm nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, trình diễn, kiểm chứng, đánh giá và thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. 2. Trong một khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, cơ quan có thẩm quyền có thể cấp phép cho nhiều tổ chức, doanh nghiệp cùng thực hiện các hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thuộc một hoặc nhiều lĩnh	Bổ sung phạm vi hoạt động của khu vực thử nghiệm theo hướng cho phép đồng thời nhiều tổ chức, doanh nghiệp và nhiều hoạt động thử nghiệm thuộc một hoặc nhiều lĩnh vực, kể cả hoạt động liên ngành, liên lĩnh vực. Khi xác định khu vực không bắt buộc phải xác định trước từng sản phẩm, dịch vụ; từng sản phẩm, dịch vụ và chủ thể thực hiện thử nghiệm được xác định cụ thể tại Quyết định cấp phép. Quy định này tạo độ mở cho khu vực thử nghiệm và hạn chế việc

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	vực, bao gồm hoạt động thử nghiệm liên ngành, liên lĩnh vực. 3. Khi quyết định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, không bắt buộc phải xác định cụ thể từng sản phẩm, dịch vụ được thử nghiệm. Sản phẩm, dịch vụ và tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm được xác định cụ thể trong Quyết định cấp phép thử nghiệm trước khi triển khai hoạt động thử nghiệm.”.	phải xử lý lặp lại các nội dung chung cho từng hồ sơ.
Điều 16. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm 1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận, phối hợp với bộ chuyên ngành, các cơ quan liên quan xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số khi không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm được giới hạn tại một hoặc một số khu vực, địa bàn hoặc toàn bộ địa bàn thuộc phạm vi quản lý. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thuộc lĩnh vực quản lý của mình khi không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm được giới hạn tại một số khu vực, địa bàn hoặc toàn bộ địa bàn thuộc từ 02 tỉnh trở lên. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp cho ý kiến căn cứ theo chức năng,	3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau: “Điều 16. Thẩm quyền đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền: a) Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; b) Xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm; phê duyệt, điều chỉnh Phương án tổ chức khu vực; c) Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức, quản lý, giám sát khu vực thử nghiệm. 2. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố có trách nhiệm: a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; b) Chủ trì xây dựng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; c) Là cơ quan đầu mối quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động của khu vực; d) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trong khu vực. 3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố có thẩm quyền quyết định cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm	Sửa đổi Điều 16 để phân định rõ thẩm quyền và đẩy mạnh phân cấp cho địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực; đồng thời quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt khu vực thử nghiệm. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép và thực hiện các thủ tục sau cấp phép đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực; các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện vai trò phối hợp quản lý nhà nước, xử lý các vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Đối với hoạt động thử nghiệm có phạm vi liên tỉnh, dự thảo không tiếp tục duy trì cơ chế cấp một Quyết định thử nghiệm chung ở cấp Trung ương; từng địa phương quyết định đối với phần hoạt động thuộc địa bàn quản lý. Đồng thời, không tiếp tục quy định riêng về

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực trong quá trình xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm. Trường hợp có khó khăn vướng mắc về thẩm quyền cấp phép thử nghiệm, Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. 4. Thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thực hiện theo pháp luật về dữ liệu.	và đánh giá kết quả thử nghiệm đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực. 4. Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.	thẩm quyền cấp phép đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu để tránh chồng chéo với pháp luật chuyên ngành.
Chưa có Điều 16a	4. Bổ sung Điều 16a như sau: “Điều 16a. Xác định, điều chỉnh và chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 1. Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát phải xác định tối thiểu các nội dung sau đây: a) Sự cần thiết, mục tiêu, địa điểm, ranh giới, phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm; b) Lĩnh vực và hoạt động dự kiến thử nghiệm; c) Các vấn đề pháp lý cần xử lý và cơ chế pháp lý áp dụng đối với hoạt động thử nghiệm, bao gồm quy định được áp dụng, quy định được phép không áp dụng, quy định được áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế trong khu vực thử nghiệm; d) Các điều kiện chung trong quá trình thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát về bảo vệ môi trường và	Bổ sung quy trình xác định, điều chỉnh và chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng Phương án làm cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác định khu vực và phê duyệt Phương án. Phương án và Quyết định xác định khu vực làm rõ mục tiêu, địa điểm, ranh giới hoặc giới hạn kỹ thuật, lĩnh vực và hoạt động thử nghiệm, cơ chế pháp lý, điều kiện chung, cơ chế quản lý, giám sát, kiểm soát rủi ro, đầu mối quản lý và nguồn lực tổ chức thực hiện. Đồng thời quy định cơ chế điều chỉnh, xử lý chuyển tiếp khi việc điều chỉnh ảnh hưởng đến hoạt động đang thực

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; đ) Cơ chế quản lý, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, kiểm soát rủi ro và xử lý sự cố; e) Cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức, quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm; g) Nguồn lực bảo đảm tổ chức triển khai khu vực thử nghiệm; h) Tiêu chí, thứ tự ưu tiên xem xét cấp phép trong trường hợp số lượng hồ sơ đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực. 2. Trên cơ sở Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và phê duyệt Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát kèm theo Quyết định. Quyết định phải xác định tối thiểu các nội dung sau đây: a) Tên, địa điểm, ranh giới, phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm; b) Mục tiêu, lĩnh vực và hoạt động được thử nghiệm; c) Thời điểm bắt đầu hoạt động; d) Các điều kiện chung trong quá trình thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát về bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; đ) Cơ quan, đơn vị đầu mối quản lý; e) Nội dung và hình thức công khai thông tin về khu vực thử nghiệm; g) Cơ chế pháp lý áp dụng đối với khu vực thử nghiệm theo quy định tại Điều 22a Nghị định này. Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát thực hiện theo Mẫu số TNCNS12 tại Phụ lục ban hành kèm theo	hiện; các trường hợp chấm dứt khu vực và trách nhiệm rà soát hằng năm, qua đó bảo đảm khu vực được tổ chức linh hoạt nhưng vẫn có cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro.

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	Nghị định này. 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trường hợp việc điều chỉnh ảnh hưởng đến hoạt động thử nghiệm đang thực hiện, Quyết định điều chỉnh phải xác định biện pháp xử lý, chuyển tiếp đối với hoạt động thử nghiệm đó. 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trong một trong các trường hợp sau đây: a) Khu vực thử nghiệm không còn đáp ứng mục tiêu, phạm vi, điều kiện tổ chức, vận hành, quản lý, giám sát hoặc kiểm soát rủi ro theo Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm đã được phê duyệt; b) Không còn khả năng bảo đảm an toàn, quản lý, giám sát hoặc xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thử nghiệm; c) Việc tiếp tục hoạt động của khu vực thử nghiệm có nguy cơ ảnh hưởng môi trường; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; d) Việc chấm dứt hoạt động là cần thiết theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do yêu cầu quản lý nhà nước phát sinh mà việc tiếp tục hoạt động của khu vực thử nghiệm không còn phù hợp. 5. Quyết định chấm dứt hoạt động của khu vực thử nghiệm phải xác định thời điểm chấm dứt và phương án xử lý, chuyển tiếp đối với các hoạt động thử nghiệm đang thực hiện. 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hằng năm rà soát sự cần thiết duy trì khu vực thử nghiệm, mức độ đáp ứng mục tiêu, phạm vi, yêu cầu tổ chức, vận hành, quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro theo Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm để quyết định tiếp	

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt khu vực thử nghiệm.”.	
Chưa có Điều 17a	5. Bổ sung Điều 17a như sau: “Điều 17a. Thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 1. Tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại Điều 15 Nghị định này và phù hợp với phạm vi, lĩnh vực, điều kiện và cơ chế pháp lý đã được xác định đối với khu vực thử nghiệm được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh/thành phố xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Nghị định này. 2. Trường hợp nội dung thử nghiệm vượt quá phạm vi, điều kiện hoặc cơ chế pháp lý đã được xác định đối với khu vực thử nghiệm thì chỉ được xem xét sau khi khu vực thử nghiệm và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm được điều chỉnh theo Điều 16a Nghị định này. 3. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm trong khu vực có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung được cấp phép và tuân thủ các yêu cầu áp dụng đối với khu vực thử nghiệm. 4. Trường hợp số lượng hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm, việc xem xét cấp phép được thực hiện theo thứ tự ưu tiên căn cứ vào tính đổi mới sáng tạo, sự phù hợp của sản phẩm, dịch vụ đề nghị thử nghiệm với nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trường hợp các hồ sơ có mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm hồ sơ đầy đủ, hợp lệ được tiếp nhận. Tiêu chí và thứ tự ưu tiên được xác định, công khai trong Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. 5. Việc gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát thực hiện theo quy định tại các	Bổ sung quy định riêng đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực trên cơ sở vẫn phải đáp ứng điều kiện, tiêu chí chung tại Điều 15 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và phù hợp với phạm vi, lĩnh vực, điều kiện, cơ chế pháp lý đã được xác định đối với khu vực. Trường hợp nội dung thử nghiệm vượt quá khung đã xác định thì chỉ được xem xét sau khi khu vực và Phương án tổ chức khu vực được điều chỉnh. Trường hợp số lượng hồ sơ vượt quá khả năng tiếp nhận, ưu tiên sản phẩm, dịch vụ có tính đổi mới sáng tạo, phù hợp với nhu cầu, bài toán thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; trường hợp mức độ ưu tiên tương đương thì xem xét theo thứ tự thời điểm tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Việc gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm tiếp tục thực hiện theo cơ chế chung của Nghị định.

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định này.”.	
Điều 18. Thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm 2. Không gian thử nghiệm Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm quyết định không gian thử nghiệm được giới hạn tại một hoặc một số khu vực, địa bàn, hoặc toàn bộ địa bàn thuộc một tỉnh hoặc tại một số khu vực, địa bàn, hoặc toàn bộ địa bàn thuộc một số tỉnh.	6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 “2. Không gian thử nghiệm Căn cứ tính chất của sản phẩm, dịch vụ và yêu cầu quản lý rủi ro, cơ quan có thẩm quyền theo Điều 16 Nghị định này quyết định không gian thử nghiệm, bao gồm không gian thực tế, không gian số hoặc kết hợp giữa không gian thực tế và không gian số. Không gian số phải được xác định theo hệ thống thông tin, nền tảng số, dữ liệu, nhóm người sử dụng, đối tượng tương tác hoặc giới hạn kỹ thuật khác phù hợp để bảo đảm khả năng quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm. Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, không gian thử nghiệm phải được xác định trong phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.”.	Sửa đổi quy định về không gian thử nghiệm để phù hợp với đặc thù công nghệ số, theo đó không gian thử nghiệm có thể là không gian thực tế, không gian số hoặc kết hợp giữa hai loại không gian. Không gian số được xác định theo hệ thống thông tin, nền tảng số, dữ liệu, nhóm người sử dụng, đối tượng tương tác hoặc giới hạn kỹ thuật khác để bảo đảm khả năng quản lý, giám sát. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, không gian của từng hoạt động phải nằm trong phạm vi hoặc giới hạn kỹ thuật của khu vực đã được xác định.
Điều 22. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có quyền hạn và trách nhiệm sau đây: 1. Tuân thủ pháp luật dân sự, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật có liên quan, trừ các điều, khoản quy định được	7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau: “1. Tuân thủ pháp luật dân sự, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật có liên quan, trừ: a) Các quy định được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác ghi trong Quyết định cấp phép thử nghiệm đối với trường hợp thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát; b) Các quy định được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát đối với hoạt	Sửa đổi khoản 1 Điều 22 để phân định rõ cơ chế pháp lý áp dụng cho từng trường hợp thử nghiệm. Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, các quy định được phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng khác được xác định tại Quyết định cấp phép của từng hoạt động. Đối với thử nghiệm trong khu vực, các quy định được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác hoặc

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
phép không áp dụng hoặc được phép áp dụng đã được ghi trong Quyết định cấp phép thử nghiệm trong thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng được cấp phép.	động thử nghiệm trong khu vực, trong phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện được xác định.”.	biện pháp quản lý thay thế được xác định trước tại Quyết định xác định khu vực. Quy định bảo đảm cơ chế đặc thù chỉ được áp dụng trong phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện đã được cơ quan có thẩm quyền xác định.
Chưa có Điều 22a	8. Bổ sung Điều 22a như sau: “Điều 22a. Cơ chế pháp lý áp dụng trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát 1. Tổ chức, doanh nghiệp được thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số mà pháp luật chưa có quy định hoặc khác với quy định của pháp luật hiện hành khi sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đó thuộc phạm vi, lĩnh vực thử nghiệm của khu vực thử nghiệm đã được xác định. 2. Các quy định pháp luật được phép không áp dụng, được phép áp dụng hoặc được áp dụng biện pháp quản lý thay thế đối với hoạt động thử nghiệm phải được xác định cụ thể tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.”.	Bổ sung Điều 22a để xác lập cơ chế pháp lý áp dụng riêng cho hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Tổ chức, doanh nghiệp chỉ được thực hiện thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực của khu vực đã được xác định; các quy định pháp luật được phép không áp dụng, được phép áp dụng khác hoặc biện pháp quản lý thay thế phải được xác định cụ thể tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Cơ chế này không tạo ra miễn trừ pháp luật chung mà chuyển một phần việc xác định cơ chế pháp lý từ từng hồ sơ sang cấp khu vực, trong giới hạn đã được xác định và vẫn gắn với việc cấp phép cho từng hoạt động thử nghiệm cụ thể.
Chưa có khoản 7 Điều 24	9. Bổ sung khoản 7 Điều 24 như sau:	Đơn giản hóa thành phần hồ sơ đối với

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	“7. Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát: a) Hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số theo Mẫu số TNCNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (ghi rõ trường hợp thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát); b) Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung liên quan trực tiếp đến sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm; không yêu cầu cung cấp lại các thông tin, tài liệu đã được xác định tại các văn bản này.”.	hoạt động thử nghiệm trong khu vực. Khi nộp hồ sơ, tổ chức, doanh nghiệp chỉ phải nộp Đơn đề nghị theo Mẫu số TNCNS01; trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ chỉ yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung riêng của sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực, không yêu cầu cung cấp lại các nội dung chung đã được xác định. Quy định nhằm kế thừa kết quả xác định, chuẩn bị và thẩm định ở cấp khu vực, giảm thành phần hồ sơ và chi phí tuân thủ, đồng thời không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, doanh nghiệp.
Chưa có khoản 8 Điều 25	10. Bổ sung khoản 8 Điều 25 như sau: “8. Quy trình cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát Việc nộp hồ sơ, tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và bổ sung hồ sơ thực hiện theo các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Việc thẩm định và quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát được thực hiện như sau: a) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép thử	Bổ sung quy trình riêng đối với hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trong khu vực theo hướng rút gọn. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Việc thẩm định được thực hiện trên cơ

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát; b) Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định này, Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm đã được phê duyệt. Các nội dung chung của khu vực thử nghiệm đã được xác định tại Quyết định và Phương án này không phải đánh giá, thẩm định lại; việc thẩm định phải xác định sự phù hợp của từng hồ sơ với các nội dung đó và khả năng tiếp nhận tại thời điểm cấp phép; c) Nội dung thẩm định tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17a Nghị định này; các nội dung riêng của sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm; khả năng tiếp nhận của khu vực thử nghiệm tại thời điểm xem xét cấp phép; d) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.	sở Đơn đề nghị, Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực; không đánh giá, thẩm định lại các nội dung chung đã được xác định ở cấp khu vực mà tập trung vào yêu cầu đối với hoạt động cụ thể, các nội dung riêng chưa được xác định và khả năng tiếp nhận của khu vực tại thời điểm xem xét cấp phép.
Khoản 3 và khoản 5 Điều 25; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31	11. Sửa đổi, bổ sung một số cụm từ Thay thế cụm từ “15 ngày” bằng cụm từ “11 ngày làm việc” tại khoản 3 và khoản 5 Điều 25; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.	Thực hiện yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP, rút thời hạn từ “15 ngày” xuống “11 ngày làm việc” tại các khâu tương ứng của thủ tục cấp phép, gia hạn, kết thúc và điều chỉnh thử nghiệm.

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh		
Phụ lục Nghị định số 353/2025/NĐ-CP có các Mẫu số TNCNS01 đến TNCNS11; chưa có Mẫu số TNCNS12.	12. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục a) Bổ sung vào Bảng tại Phụ lục những nội dung sau: <table><tr><td>Mẫu số TNCNS12</td><td>Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát</td></tr></table> b) Sửa đổi, bổ sung các Mẫu số TNCNS01, TNCNS02 và bổ sung Mẫu số TNCNS12 tại Phụ lục kèm theo.	Mẫu số TNCNS12	Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát	Sửa đổi, bổ sung Phụ lục để cập nhật biểu mẫu phù hợp với việc bổ sung hình thức thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát. Theo đó, sửa đổi, bổ sung Mẫu số TNCNS01 và Mẫu số TNCNS02; đồng thời bổ sung Mẫu số TNCNS12 là Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.
Mẫu số TNCNS12	Quyết định xác định khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát			
Nghị định số 353/2025/NĐ-CP có Điều 35 quy định hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Chưa có quy định về hiệu lực của Nghị định sửa đổi.	Điều 3. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.	Quy định Nghị định sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.		
Điều 36 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chuyển tiếp đối với nội dung liên quan đến hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin đã được phê duyệt hoặc tổ chức triển khai trước ngày Luật Công nghiệp công nghệ số có hiệu lực; chưa có quy định chuyển tiếp cho các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo này.	Điều 4. Quy định chuyển tiếp 1. Hồ sơ đề nghị, gia hạn, kết thúc, điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết hồ sơ được tính theo quy định của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. 2. Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được cấp phép trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số đã được ban hành cho đến khi hết thời hạn thử nghiệm ghi trong Quyết định cấp phép, trừ trường hợp thử nghiệm bị tạm dừng hoặc kết thúc trước thời hạn theo quy định của Nghị định này. 3. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đang thực hiện thử nghiệm	Bổ sung quy định chuyển tiếp nhằm bảo đảm hoạt động thử nghiệm và việc áp dụng chính sách không bị gián đoạn khi Nghị định sửa đổi có hiệu lực. Hồ sơ đã được tiếp nhận và hoạt động thử nghiệm đã được cấp phép trước ngày Nghị định có hiệu lực tiếp tục được giải quyết, thực hiện theo quy định và Quyết định cấp phép đã ban hành. Tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu chuyển sang thử nghiệm trong khu vực được nộp Đơn theo Mẫu số TNCNS01, được sử dụng lại thông tin đã kê khai và được tính thời gian thử nghiệm đã thực hiện; Quyết định cấp phép cũ hết hiệu		

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	theo quy định tại khoản 2 Điều này có nhu cầu chuyển sang thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Điều 17a, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định này. Tổ chức, doanh nghiệp chuyển đổi sang thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát phải nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Khi lập Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS01, tổ chức, doanh nghiệp được sử dụng lại các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp phép thử nghiệm trước đó. 4. Đối với hoạt động thử nghiệm được chuyển đổi theo khoản 3 Điều này, thời gian thử nghiệm đã thực hiện theo Quyết định cấp phép cũ được tính vào thời gian thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. 5. Quyết định cấp phép thử nghiệm đã được ban hành trước khi chuyển đổi theo khoản 3 Điều này hết hiệu lực kể từ thời điểm Quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát có hiệu lực. 6. Cá nhân đã được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được xác định là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo các tiêu chí đã được áp dụng trong thời gian hưởng chính sách theo quy định của pháp luật.	lực khi Quyết định cấp phép thử nghiệm trong khu vực có hiệu lực. Đồng thời, bảo lưu việc xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao đã thực hiện trước ngày Nghị định có hiệu lực trong thời gian hưởng chính sách theo quy định của pháp luật.
Chưa có điều khoản tương ứng về trách nhiệm thi hành của Nghị định sửa đổi, bổ sung.	Điều 5. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đôn đốc việc tổ chức thi hành Nghị định này. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban	Bổ sung điều khoản về trách nhiệm thi hành, theo đó Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, tổng hợp, đôn đốc việc tổ chức thi hành Nghị định; các Bộ

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số	Thuyết minh
	nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định.